

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-ST.

Ngày: 02/11/2021.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồ

2. Ông Trần Văn Hưng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lữ Phúc N, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thái Điền Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: đường L, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố BB, tỉnh Bến Tre. Là bị đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố BB, tỉnh Bến Tre.

Ông Đ có mặt, bà Q vắng mặt, ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2020, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn ông Lữ Phúc N và người đại diện hợp pháp của ông là ông Thái Điền Đông trình bày:

Vào ngày 16/3/2019, ông N có cho bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q vay số tiền 360.000.000 đồng, vay không tính lãi, thời hạn trả là một tháng tức là ngày 16/4/2019. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, ông N có nhiều lần yêu cầu bà Q trả số nợ trên nhưng bà vẫn không trả. Ngày 08/9/2021, ông N có đơn khởi kiện, yêu cầu bà Q và chồng bà Q là ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho ông số nợ trên và không yêu cầu tính lãi.

Nay ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình bà Q chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên, không yêu cầu chồng bà là ông T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ. Và ông N không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2019, vợ ông là bà Q có mượn tiền của ông N với số tiền 360.000.000 đồng để làm ăn. Nhưng bản thân ông không biết gì. Ông và ông N cũng chưa quen biết và cũng không gặp mặt nhau để nói về việc vay mượn tiền của bà Q. Bản thân bà Q cũng không nói gì với ông về số tiền đã mượn của ông N và ông cũng không có sử dụng số tiền đó. Đến đầu năm 2020, ông và bà Q đã ly hôn nên ông không biết cũng như không có trách nhiệm gì về số tiền bà Q đã mượn của ông N. Bản thân ông phải nuôi hai con nhỏ và bà Q cũng không cấp dưỡng cho hai con. Cho nên ông không chịu trách nhiệm đối với số tiền mà bà Q đã mượn của ông N. Vì ông không có thời gian để tham gia giải quyết vụ án nên ông yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q và ông Nguyễn Văn T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Q không đến, ông T có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà Q cũng như không tiến hành hòa giải vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Giữa ông Lữ Phúc N và bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q có thỏa thuận cho vay tài sản và có lập thành văn bản, sau đó phát sinh tranh chấp, do bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q cư trú tại thành phố B, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nêu trên là đúng thẩm quyền

theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, ông Nguyễn Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Q, ông T.

[2] Về nội dung: Ông Lữ Phúc N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này là bản chính “*Biên nhận*” được lập ngày 16/3/2019 có chữ ký của bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q phù hợp với quy định Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi vay tiền, bà Q không thực hiện đúng thỏa thuận về thời hạn vay được quy định trong hợp đồng, hết thời hạn vay nhưng bà Q không thực hiện việc trả lại tài sản nên ông N khởi kiện để yêu cầu trả lại số tiền 360.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu cá nhân bà Q chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ông T chịu trách nhiệm liên đới. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T chịu trách nhiệm liên đới liên đới trả khoản nợ trên.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp là: $360.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.000.000$ (Mười tám triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 149, 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

- Các Điều 147, 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lữ Phúc N đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T chịu trách nhiệm liên đới với bà Q trả số tiền 360.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lữ Phúc N. Buộc cá nhân bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q chịu trách nhiệm trả cho ông Lữ Phúc N số tiền 360.000.000 (Ba trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bùi Vũ Thụy Đỗ Q phải chịu là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

Ông Lữ Phúc N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000.000 (Chín triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003466 ngày 08/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Xuân Thi